

Số: **421** /TB-MĐC

Hà Nội, ngày **18** tháng 10 năm 2016

THÔNG BÁO
Về việc Tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2017

Kính gửi: ... **Các đơn vị và sinh viên toàn Trường**

Căn cứ Quyết định số 487/QĐ-MĐC ngày 08/5/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành “Quy chế Nghiên cứu khoa học của sinh viên”;
Căn cứ kế hoạch hàng năm về Nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên;
Đề động viên phong trào học tập trong sinh viên và thành lập đội tuyển thi Olympic Quốc gia năm 2017;

Nhà trường thông báo đến các đơn vị và sinh viên toàn Trường kế hoạch tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2017 như sau:

Các môn thi nằm trong chương trình đào tạo của Trường:

- | | |
|----------------|-----------------------------------|
| • Đại số | • Sức bền vật liệu |
| • Giải tích | • Cơ học kết cấu |
| • Vật lý | • Cơ học đất |
| • Hóa học | • Thủy lực |
| • Tin học | • Chi tiết máy |
| • Cơ lý thuyết | • Tiếng Anh (K57; K58; K59+60+61) |
| • Hình học | • Khoa học Mác - Lênin và TT HCM |

Thời gian tổ chức thi (01 ngày): **ngày 05 tháng 3 năm 2017 (Chủ nhật)** đồng thời tại hai địa điểm Hà Nội và Vũng Tàu.

Đối tượng dự thi là sinh viên hệ Đại học, Cao đẳng đạt các tiêu chuẩn sau:

- Đối với sinh viên đã có kết quả thi ở các học kỳ trước: điểm thi môn học đăng ký dự thi học kỳ gần nhất phải đạt điểm B trở lên;
- Đối với sinh viên chưa có kết quả thi môn học đăng ký dự thi, nếu xét thấy đủ năng lực sinh viên có thể đăng ký tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường. Giáo viên phụ trách môn học chịu trách nhiệm ký xác nhận vào bản danh sách đăng ký dự thi;
- Mỗi sinh viên chỉ được đăng ký dự thi 01 trong số các môn thi trên.

Đoàn TNCS HCM Trường phối hợp với phòng Công tác Chính trị - Truyền thông, Quản sinh các Khoa động viên phong trào và thông báo rộng rãi đến từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên đăng ký, lập danh sách thí sinh gửi về bộ môn có môn thi Olympic và gửi danh sách chính thức (theo mẫu đính kèm) về **phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế trước ngày 21/02/2017.**

Đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; Ban Tổ chức;
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, KHQT (Nghị)



PGTS Lê Hải An

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi:.....



STT	Họ và tên thí sinh	Lớp/Khóa học	Khoa	MSSV	Địa chỉ Email	Số điện thoại liên hệ
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
.....						

(tổng số.....thí sinh)

Xác nhận của Đoàn TNCS HCM

Số: **286** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **14** tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép thí sinh thi Olympic cấp Trường năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V “Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên” quy định về việc quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Theo đề nghị của Ban tổ chức thi Olympic cấp Trường năm 2017; xét yêu cầu và nguyện vọng của sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép các thí sinh (có tên trong danh sách kèm theo) tham dự kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017 gồm các môn: Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hoá học, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Cơ lý thuyết, Cơ kết cấu, Thủy lực, Chi tiết máy, Khoa học Mác – Lênin và TT HCM, Hình họa, Tiếng Anh (3 mức độ) đồng thời ở 2 địa điểm Hà Nội và Vũng Tàu vào ngày 19/3/2017.

Điều 2. Giao cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường động viên, theo dõi việc tham dự thi và xử lý kỷ luật đối với các thí sinh bỏ thi không có lý do.

Điều 3. Ban tổ chức thi Olympic cấp Trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường, các đơn vị chức năng liên quan và các thí sinh có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3; HUMG Ioffice
- Lưu: HCTH, TCCB, KHQT₍₀₆₎



PGS.TS Lê Hải An

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : CHI TIẾT MÁY

Phòng thi: D203

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	CT01	Nguyễn Thế Anh	TĐ Thủy Khí K58			
2	CT02	Trần Nguyễn Việt Anh	Máy và Tự động thủy khí K59			
3	CT03	Trần mạnh Cường	Máy mỏ K59			
4	CT04	Bùi Văn Diễn	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060073		
5	CT05	Trần Xuân Đông	Máy và Tự động thủy khí K59			
6	CT06	Bùi Văn Hải	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060096		
7	CT07	Bùi Văn Hạnh	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060104		
8	CT08	Phạm Công Hoàn	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060123		
9	CT09	Phạm Công Hoàn	Máy và Tự động thủy khí K59			
10	CT10	Nguyễn Tiến Luật	Máy và TĐ thủy khí - K58	1321060176		
11	CT11	Nguyễn Thế Lực	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060177		
12	CT12	Nguyễn Đình Lượng	Máy và Tự động thủy khí K58	1321060035		
13	CT13	Hoàng Văn Sơn	Máy và thiết bị mỏ - K58	1321060141		
14	CT14	Nguyễn Tiến Tài	Máy tự động thủy khí K59			
15	CT15	Trần Đức Thanh	Máy và thiết bị mỏ-K57	1221060426		
16	CT16	Mã Văn Thành	Máy và thiết bị mỏ - K57	1221060120		
17	CT17	Nguyễn văn Tuyến	Máy tự động thủy khí K59			
18	CT18	Trương duy Vũ	Máy tự động thủy khí K59			
19	CT19	Nguyễn Văn Vương	Khoan khai thác dầu khí B K58	1321010428		

(tổng số 19 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : CƠ HỌC ĐẤT

Phòng thi: D204

STT	Số BD	Họ và tên	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	C01	Nguyễn Đức Chiêu	ĐCCT A K58	1321020438		
2	C02	Nguyễn Thị Thủy Dung	XD HTCS K59	1421070025		
3	C03	Nguyễn Văn Diệp	ĐCCT B K58	1321020067		
4	C04	Nguyễn Thị Ngoan	XD HTCS K59	1421070093		
5	C05	Nguyễn Minh Tân	XD HTCS K59	1421070452		
6	C06	Nguyễn Thị Thắm	ĐCCT B K58	1321020202		
7	C07	Nguyễn Thị Toàn	XD DD và CN A K59	1421070127		
8	C08	Nguyễn Thị Trang	ĐCCT B K58	1321020760		
9	C09	Nguyễn Anh Vinh	ĐCCT A K58	1321020808		

(tổng số 09 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017
Môn thi : CƠ LÝ THUYẾT
Phòng thi: D203

TT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	X01	Ngô Đình Ban	Khai Thác B- K60	1521040197		
2	X02	Phạm Thế Công	ĐCCT B K59	1421020026		
3	X03	Phạm Văn Dương	XD HTCS K59	1421070027		
4	X04	Trần Đình Hoàng	ĐCTV B K59	1421020371		
5	X05	Lê Văn Hưng	XD DD và CN A K58	1321070537		
6	X06	Nguyễn Phương Loan	Lọc hóa dầu A K59	1421010184		
7	X07	Nguyễn Văn Thắng	Tuyển Khoáng B- K59	1221040268		
8	X08	Nguyễn Hà Trang	Lọc hóa dầu A K58	1321010367		
9	X09	Đỗ Như Tùng	ĐCCT A K59	1421020188		

(tổng số 09 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : **ĐẠI SỐ**

Phòng thi: **D502**

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	D01	Bùi Thị Vân Anh	K61 Kinh tế C	1624010770		
2	D02	Nguyễn Đức Anh	Mạng máy tính K60	1521050021		
3	D03	Nguyễn Thị Ánh	CNTT K61A	1621050268		
4	D04	Dư Văn Bằng	TKT K59A	1421050280		
5	D05	Lưu Thị Bưởi	K61 Kế toán A	1624010505		
6	D06	Bùi Văn Chính	Khai Thác A- K60	1521040201		
7	D07	Ngô Quang Cường	XD DD và CN K61	1621070003		
8	D08	Phạm Duy Cường	K59 QTKD C	1524010260		
9	D09	Giáp Trọng Doanh	DCTD TD B K58	1321030028		
10	D10	Vũ Trọng Dũng	Cơ điện A – K61	1621060627		
11	D11	Đặng Ngọc Dương	CNTT K61D	1621050802		
12	D12	Nguyễn Cảnh Duy	Khai Thác A- K60	1521040153		
13	D13	Đỗ Thành Đạt	Cơ điện D – K61	1621060412		
14	D14	Phạm Quốc Đạt	Tuyển Luyện- K60	1521040090		
15	D15	Nguyễn Trọng Đạt	Tuyển Luyện- K60	1521040057		
16	D16	Hoàng Thu Hà	K60 Kế toán A	1524010247		
17	D17	Phạm Thị Thu Hà	K61 Kinh tế 1	1624010330		
18	D18	Phạm Văn Hải	ĐC K60	1621020011		
19	D19	Nguyễn Thị Thu Hằng	LT ĐC K60	1531020406		
20	D20	Lê Hồng Hạnh	K60 Kế toán TCC	1524010271		
21	D21	Trần Thanh Hào	K61 QTKD B	1624010299		
22	D22	Bùi Đức Hiệp	Cơ điện D – K61	1621060482		
23	D23	Phạm Hiếu Học	DCTD TD G K58	1321030597		
24	D24	Nguyễn Huy Hùng	MMT K59A	1421050077		
25	D25	Nguyễn Thị Hương	K60 QTKD Mỏ	1524010440		
26	D26	Hoàng Thị Hường	TĐD K58	1321050100		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
27	D27	Tạ Thị Huyền	DCTDTD G K58	1321030632		
28	D28	Nguyễn Lê Khải	Khoan khai thác K60	1521010057		
29	D29	Trần Thị Lan	CNTT K61A	1621050619		
30	D30	Trần Văn Liệu	DCTDTD G K58	1321030679		
31	D31	Nguyễn Quế Thị Loan	CNTT K61C	1621050085		
32	D32	Phạm Đức Mạnh	CNTT K61D	1621050816		
33	D33	Nguyễn Sỹ Mạnh	Cơ điện D – K61	1621060514		
34	D34	Vũ Trà My	CNPM K59B	1421050514		
35	D35	Văn Hải Nam	K61 Kinh tế 1	1624010024		
36	D36	Phạm Thị Ngọc	TKT K59A	1421050531		
37	D37	Đỗ Văn Phong	Khoan khai thác A K59	1421010239		
38	D38	Nguyễn Đức Phong	CNTT K61C	1621050003		
39	D39	Nguyễn Bá Lưu Phước	CNTT K61A	1621050178		
40	D40	Đặng Lan Phương	K61 Kế toán A	1624010422		
41	D41	Vương Đình Quang	Dầu khí A K61	1621010313		
42	D42	Nguyễn Thị Quyên	TTĐ K59	1421050559		
43	D43	Vũ Văn Quyết	CNTT K61D	1621050789		
44	D44	Nguyễn Hương Quỳnh	CNPM K60B	1521050544		
45	D45	Phan Ngọc Sơn	Lọc hóa dầu A K57	1221010302		
46	D46	Nguyễn Anh Sơn	Cơ điện D – K61	1621060292		
47	D47	Nguyễn Duy Dương Thanh	CTTT K5	CTTT14210123		
48	D48	Nguyễn Văn Thao	Cơ điện D – K61	1621060240		
49	D49	Nguyễn Ngọc Thảo	ĐC K60	1521020017		
50	D50	Lê Thị Thảo	K60 Kế toán C	1524010307		
51	D51	Đinh Viết Thiện	TĐC K58	1321050192		
52	D52	Phạm Thị Thoa	K61 QTKD B	1624010929		
53	D53	Nguyễn Khắc Toàn	Cơ điện A – K61	1621060853		
54	D54	Trịnh Sơn Trang	Lọc hóa dầu A K58	1321010372		
55	D55	Lê Hà Trang	K60 Kế toán A	1524010166		
56	D56	Nguyễn Thị Hà Trang	K60 Kế toán C	1524010199		
57	D57	Phạm Mạnh Tường	CNTT K61B	1621050212		
58	D58	Nguyễn Thị Tố Uyên	TKT K60	1521050162		
59	D59	Phạm Thu Uyên	K61 Kế toán A	1624010381		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
60	D60	Lê Thị Lệ Xuân	TKT K59B	1421050245		
61	D61	Trịnh Thị Hải Yến	KTMTK61	1621080060		
62	D62	Vũ Thị Hải Yến	CNPM K59B	1421050719		
63	D63	Phạm Bảo Yến	K59 Kế toán TCC	1424010216		

(tổng số 63 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : GIẢI TÍCH

Phòng thi: D401

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	G01	Nguyễn Thị Vân Anh	K60 QTKD C	1524010363		
2	G02	Phan Thị Anh	TKT K59A	1421050269		
3	G03	Trần Văn Biên	CNTT K61D	1621050822		
4	G04	Hoàng Trọng Bình	CNPM K60B	1521050173		
5	G05	Nguyễn Đình Chí	Mỏ K61	1621040039		
6	G06	Phạm Văn Chung	CNTT K60	1521050119		
7	G07	Lại Thị Mỹ Dung	TDC K59	1421050312		
8	G08	Vũ Trọng Dũng	Cơ điện A – K61	1621060627		
9	G09	Lê Thọ Dương	ĐCTV B K59	1421020277		
10	G10	Ngô Văn Đạt	CNTT K60	1521050035		
11	G11	Nguyễn Đình Đức	Địa chất dầu K60	1521010107		
12	G12	Nguyễn Thị Hà Giang	K61 Kế toán B	1624010103		
13	G13	Ngô Thị Giang	CNPM K60B	1521050099		
14	G14	Trương Tuấn Gion	Cơ điện D – K61	1621060256		
15	G15	Trần Thị Hà	CNPM K59B	1421050378		
16	G16	Lê Thu Hằng	K61 QTKD B	1624010932		
17	G17	Phùng Thị Hào	CNPM K60B	1521050370		
18	G18	Nguyễn Thị Thu Hiền	Địa chất dầu K60	1521010099		
19	G19	Ngô Văn Hiếu	CTTT K5	CTTT14210166		
20	G20	Trần Ngọc Hiếu	CNTT K61B	1621050494		
21	G21	Vũ Minh Hiếu	CNTT K61C	1621050054		
22	G22	Bế Văn Hiếu	Khai Thác A- K60	1521040130		
23	G23	Phạm Đức Hoàn	TM K58	1321050553		
24	G24	Tạ Thị Hợp	MMT K58	1321050083		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
25	G25	Phạm Thị Thu Hường	TKT K59A	1421050447		
26	G26	Nguyễn Quang Huy	CNTT K61C	1621050033		
27	G27	Hồ Hồng Huy	K61VT	1621011004		
28	G28	Phùng Thị Thanh Huyền	CNTT K61C	1621050066		
29	G29	Nguyễn Tiến Khải	ĐC K60	1621020007		
30	G30	Bùi Văn Khải	Xây dựng K61	1621070178		
31	G31	Lê Văn Lâm	DCDKLD58VT	1321011063		
32	G32	Nguyễn Thị Liên	Tuyển Khoáng B-K58	1321040512		
33	G33	Nguyễn Thị Thùy Linh	KTMTK61	1621080710		
34	G34	Đinh Thị Linh	K61 Kế toán A	1624010517		
35	G35	Nguyễn Ngọc Lợi	Cơ điện A – K61	1621060707		
36	G36	Hoàng Phúc Long	Cơ điện D – K61	1621060162		
37	G37	Nguyễn Thế Lương	CNTT k61	1621050702		
38	G38	Vũ Tiến Mạnh	Khoan khai thác A K59	1421010199		
39	G39	Kiều Thế Mạnh	CNTT K61D	1621050741		
40	G40	Đỗ Thị Ngọc	CNTT K60	1521050095		
41	G41	Phạm Thị Hồng Nguyên	Dầu khí A K61	1621010023		
42	G42	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	KTMTK61	1621080003		
43	G43	Nguyễn Kim Nhật	CNTT K61B	1621050056		
44	G44	Kiều Thị Hồng Nhung	K61 QTKD B	1624010865		
45	G45	Nguyễn Hoàng Phúc	Cơ – Điện – k61	1621060119		
46	G46	Mai Xuân Quân	Cơ – Điện – k61	1621060043		
47	G47	Nguyễn Thế Quang	TTD K59	1421050157		
48	G48	Vũ Huy Quý	Cơ điện A K61	1621060587		
49	G49	Hà Thị Quỳnh	TKT K59A	1421050562		
50	G50	Đỗ Đình Quỳnh	CNTT K61B	1621050461		
51	G51	Lê Hoài Thu	Tuyển Khoáng - K60	1521040124		
52	G52	Phạm Vũ Tiến	DCTDTD B K59	1421030205		
53	G53	Nguyễn Khắc Toàn	Cơ điện A – K61	1621060853		
54	G54	Vũ Bá Toàn	Cơ điện G K61	1621060927		
55	G55	Cao Văn Trung	TTD K59	1421050667		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
56	G56	Phạm Quang Trường	Trắc Địa K61	1621030003		
57	G57	Ngô Quang Tuấn	Cơ điện D – K61	1621060230		
58	G58	Phạm Đức Tùng	CNPM K60C	1521050558		
59	G59	Bùi Quang Vũ	DCCDCD G K61	1621060928		
60	G60	Nguyễn Thị Xuân	CNTT K61B	1621050530		
61	G61	Lê Hải Yến	DCTDBD K58	1321030352		

(tổng số 61 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

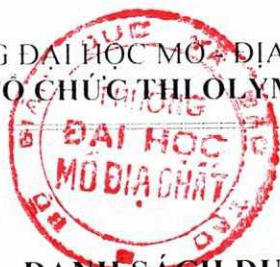
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : HÌNH HỌA

Phòng thi: D303

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	D01	Nguyễn Mai Anh	KTMT B K59	1421080004		
2	D02	Nguyễn Trúc Anh	Khai Thác G- K59	1421040006		
3	D03	Trần Xuân Ba	ĐCCT B K58	1321020017		
4	D04	Nguyễn Sỹ Bảo	Khoan khai thác K60	1521010171		
5	D05	Đặng Thanh Bình	Lọc hóa dầu A K58	1321010037		
6	D06	Vũ Văn Doanh	Khai Thác H-K58	1320040443		
7	D07	Nguyễn Văn Diệp	Tuyển khoáng- K60	1521040055		
8	D08	Nguyễn Thị Huệ	Tuyển Khoáng B- K59	1421104122		
9	D09	Trịnh Việt Hùng	QTKD A K60	1524010435		
10	D10	Đặng Thị Mỹ Linh	Lọc hóa dầu A K58	1321010208		
11	D11	Nguyễn Thị Nhung	DCTDTD C K58	1321030763		
12	D12	Bùi Hoàng Sơn	Tuyển khoáng- K60	1521040292		
13	D13	Trịnh Thế Thao	Khai Thác C- K60	1521040026		
14	D14	Trương Đình Tiệp	XD HTCS K59	1421070485		
15	D15	Nguyễn Chí Tùng	Khai Thác A-K59	1421040332		
16	D16	Trần Minh Tuyên	Khai Thác A-K59	1421040564		

(tổng số 16 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : HÓA HỌC

Phòng thi: D303

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	H01	Nguyễn Thị Vân Anh	Lọc hóa dầu B K60	1521010383		
2	H02	Nguyễn Văn Cường	Lọc hóa dầu A K58	1321010056		
3	H03	Trịnh Tiến Đạt	DCTDTM K58	1321030044		
4	H04	Hoàng Anh Đức	CNTT K61B	1621050287		
5	H05	Dương Thanh Hà	DCTDTM K58	1321030058		
6	H06	Nguyễn Doãn Hà	Dầu khí K61	1621010265		
7	H07	Nguyễn Đức Hải	Cơ Điện C K61	1621060533		
8	H08	Nguyễn Phạm Văn Hoàn	Cơ Điện C K61	1621060563		
9	H09	Trịnh Thị Thanh Huyền	CNTT K61A	1621050217		
10	H10	Đào Văn Khánh	Lọc hóa dầu B K59	1421010163		
11	H11	Trần Văn Khánh	DCDKLD58VT	1321011058		
12	H12	Hồ Thị Bích Lệ	CNTT K61A	1621050094		
13	H13	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc hóa dầu A K58	1321010225		
14	H14	Nguyễn Xuân Nghĩa	DCDKLD60VT	1521011182		
15	H15	Nguyễn Minh Phương	CTTT K5	CTTT14210133		
16	H16	Nguyễn Đức Thạch	Lọc hóa dầu B K60	1521010333		
17	H17	Phạm Thị Trang	DCTDTM K58	1321030242		
18	H18	Đoàn Bá Tráng	XDDD B K60	1521070378		
19	H19	Phạm Bá Trọng	XDDD và Công nghiệp B K60	1521070379		
20	H20	Đào Xuân Trường	Lọc hóa dầu B K60	1521010346		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
21	H21	Hoàng Anh Tuấn	Lọc hóa dầu B K60	1521010370		
22	H22	Hà Anh Tuấn	CNTT K61A	1621050034		
23	H23	Trương Uy Vũ	TM K58	1321050224		

(tổng số 23 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017
Môn thi : KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM
Phòng thi: D401

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	M01	Nguyễn Tiến An	XD DD và CN A K59	1421070001		
2	M02	Trương Việt Năn Anh	DCTV B K58	1321020014		
3	M03	Phan Thế Anh	DCTDAV58	1321030009		
4	M04	Nguyễn Duy Anh	DCTDDC59B	1421030004		
5	M05	Trần Tuấn Anh	CNTT K60	1521050109		
6	M06	Lý Thị Ánh	K60 Kế toán B	1524010194		
7	M07	Nguyễn Khương Bình	ĐC B K58	1321020430		
8	M08	Tường Duy Bôn	ĐC A K59	1421020021		
9	M09	Phạm Thị Chính	K59 Kế toán B	1424010253		
10	M10	Mai Quý Cường	DCTDTD_58C	1321030269		
11	M11	Nguyễn Đình Dưỡng	DCTDDC59B	1421030038		
12	M12	Trần Thị Hồng Duyên	Tuyên Luyện - K60	1521040227		
13	M13	Vũ Đình Độ	Cơ điện D – K61	1621060122		
14	M14	Phạm Trường Giang	CTTT K5	CTTT14210146		
15	M15	Nguyễn Thị Hằng	DCTDDC58B	1321030071		
16	M16	Trịnh Thị Hiệp	K60 QTKD B	1524010419		
17	M17	Vũ Thị Lan	KTMT B K58	1321080466		
18	M18	Đỗ Quang Mạnh	DCTV K60	1521020089		
19	M19	Nguyễn Quang Minh	DCTDTD_58A	1321030720		
20	M20	Nguyễn Hữu Nghĩa	Khoan khai thác K60	1521010200		
21	M21	Nguyễn Bùi Minh Ngọc	Lọc hóa dầu A K57	1221010248		
22	M22	Nguyễn Thu Nguyệt	CTTT K5	CTTT14210115		
23	M23	Phạm Thị Hồng Nhung	Tuyên luyện- K60	1521040276		
24	M24	Nguyễn Ngọc Quyên	CTTT K5	CTTT14210161		
25	M25	Lại Thị Ngọc Quỳnh	ĐC B K59	1421020530		
26	M26	Lâm Hữu Sự	DCTV A K59	1421020139		



27	M27	Trần Thị Thu Thương	MMT K59A	1421050638		
28	M28	Võ Thị Thương	TKT K60	1521050247		
29	M29	Lê Thị Hồng Thủy	K61 Kế toán B	1624010727		
30	M30	Lê Văn Tĩnh	Khai Thác G-K58	1221040584		
31	M31	Bùi Minh Tuấn	DCTV K60	1521020003		

(tổng số 31 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)





DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : SỨC BỀN VẬT LIỆU

Phòng thi: D402

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	S01	Nguyễn Đức Đường	1321070056	XD CTN B K58		
2	S02	Nguyễn Xuân Lập	1321070564	XD CT Ngầm A K58		
3	S03	Nguyễn Xuân Lập	1321070564	XD CT Ngầm A K58		
4	S04	Tạ Đình Nam	1421070395	XD HTCS K59		
5	S05	Đậu Giang Nam	1421060497	Máy & Thiết bị Mỏ K59		
6	S06	Nguyễn Minh Ngọc	1221010249	Khoan – Khai thác B k57		
7	S07	Nguyễn Minh Ngọc	1221010249	DCDKKK57B		
8	S08	Ngô Thị Nụ	1421070411	XD DD và CN A K59		
9	S09	Đặng Văn Phong	1321070142	XD CTN B K58		
10	S10	Đỗ Đăng Quyết	1321070156	XD CT Ngầm B K59		
11	S11	Lê Thị Sanh	1421040230	Khai Thác G- K59		
12	S12	Lê Thị Thu Thảo	1321070652	XD HTCS K59		
13	S13	Lê Đức Trọng	1421070496	XD DD và CN A K59		
14	S14	Trần Văn Tú	1221010385	Thiết bị dầu khí K57		
15	S15	Nguyễn Thanh Tùng	1221070169	XD HTCS K57		
16	S16	Nguyễn Bá Tuyên	1321070709	XD DD và CN B K58		
17	S17	Phùng Đức Vinh	1421040106	Tuyển luyện quặng KL K59		

(tổng số 17 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017



DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : **THỦY LỰC**

Phòng thi: **D402**

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	TL01	Nguyễn Thị Lan Anh	Tuyển Khoáng A-K57	1221040008		
2	TL02	Uông Văn Bắc	Tuyển Khoáng a- K59	1421040368		
3	TL03	Bế Ngọc Chiến	Khai thác B - K59	1421040379		
4	TL04	Trịnh Văn Cường	Tự động hóa A-K59	1421060354		
5	TL05	Nguyễn Hữu Đức	Khai Thác B-K58	1221040374		
6	TL06	Nguyễn Đức Giang	Khai thác H - K58	1321040077		
7	TL07	Nguyễn Văn Giang	Khai Thác D- K58	1321040079		
8	TL08	Lê Văn Hiệp	Tuyển luyện quặng KL- K59	1421040106		
9	TL09	Vũ Văn Hoàng	Khai Thác B-K58	1221040108		
10	TL10	Hoàng Văn Hội	Khai thác B - K59	1421040120		
11	TL11	Mai Văn Hưng	Khai Thác D- K59	1421040038		
12	TL12	Hà Quang Huy	Khai thác B - K59	1421040127		
13	TL13	Đoàn Ngọc Linh	Tuyển Khoáng a- K59	1421040442		
14	TL14	Dương Mạnh Luân	Khai Thác D- K58	1321040524		
15	TL15	Phạm Thị Oanh	Tuyển Khoáng A-k58	1321040201		
16	TL16	Mai Xuân Tài	Khai Thác D- K59	1421040505		
17	TL17	Nguyễn Duy Thái	Khai Thác G- K59	1421040242		
18	TL18	Nguyễn Việt Tuấn	Khai Thác G- K59	1421040356		
19	TL19	Vũ Thùy Xuân	Tuyển Khoáng A-k58	1321040616		

(tổng số 19 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K59+58+57

Phòng thi: D304

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N01	Nguyễn Công Trí Anh	CTTT K4	CTTT13210103		
2	N02	Nguyễn Thị Mai Anh	CTTT K4	CTTT13210101		
3	N03	Trần Quốc Anh	CTTT K5	CTTT14210101		
4	N04	Nguyễn Đức Tuấn Anh	TĐC K58	1221050149		
5	N05	Đàm Trung Anh	CNPM K59B	1421050252		
6	N06	Đàm Việt Anh	MMT K59A	1421050253		
7	N07	Nguyễn Bảo Anh	TM K58	1321050004		
8	N08	Nguyễn Tiến Anh	Tự động hóa A_K58	1321060408		
9	N09	Nguyễn Đức Anh	Khai Thác B-K57	1221040007		
10	N10	Nguyễn Tiến Anh	Tự động hóa A K58	1321060408		
11	N11	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CTTT K5	CTTT14210141		
12	N12	Phạm Văn Bình	Khai Thác C-K59	1221040020		
13	N13	Đặng Thanh Bình	NLK59	1421020236		
14	N14	Nguyễn Linh Chi	KTMT A K58	1321080008		
15	N15	Nguyễn Thị Chi	TĐC K59	1421050293		
16	N16	Trần Văn Chiến	MMT K58	1321050023		
17	N17	Phạm Xuân Nam Chính	MMT K58	1321050434		
18	N18	Phạm Ngô Anh Cường	TĐC 58	1321050029		
19	N19	Lê Văn Đại	Khoan khai thác B K58	1321010095		
20	N20	Nguyễn Quang Đăng	ĐCTV A K58	1321020472		
21	N21	Lê Cung Đình	CTTT K5	CTTT14210104		
22	N22	Lê Thành Đô	Địa vật lý K58	1321010107		
23	N23	Nguyễn Đình Đức	ĐCCT B K58	1321020497		
24	N24	Nguyễn Tuấn Dương	TTĐ K58	1321050050		
25	N25	Phạm Thành Duy	CTTT K4	CTTT13210118		
26	N26	Đỗ Linh Giang	DCTDAV58	1321030052		
27	N27	Vũ Thị Thu Hà	K59 Kế toán A	1424010290		
28	N28	Vũ Thị Thu Hà	CTTT K4	CTTT13210121		
29	N29	Trần Nam Hải	MMT K58	1321050513		
30	N30	Lương Ngọc Hân	CTTT K5	CTTT14210147		
31	N31	Ngô Công Hậu	CTTT K5	CTTT14210135		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
32	N32	Trần Đức Hậu	TKT K58B	1321050535		
33	N33	Vũ Sỹ Hiệp	TTĐ K58	1321050074		
34	N34	Mai Trung Hiếu	TKT K58B	1321050543		
35	N35	Đoàn Thị Khánh Hòa	CTTT K5	CTTT14210148		
36	N36	Đặng Văn Hoàng	Điện diện tử B K58	1321060126		
37	N37	Đinh Ngọc Hùng	XDDD và CN B K58	1321070521		
38	N38	Trần Mạnh Hùng	DCTV B K58	1321020560		
39	N39	Tạ Duy Hưng	CTTT K4	CTTT13210129		
40	N40	Nguyễn Việt Hưng	CTTT K3	CTTT12210109		
41	N41	Nguyễn Thị Thu Hương	K59 Kế toán A	1424010083		
42	N42	Nguyễn Thị Hương	ĐC B K58	1321020047		
43	N43	Nguyễn Bảo Khanh	TTĐ K58	1321050590		
44	N44	Phạm Tuấn Kiệt	Tuyển Khoáng B-K58	1221040139		
45	N45	Nguyễn Thành Liên	TKT K58B	1321050115		

(tổng số 45 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K59+58+57

Phòng thi: D202

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N46	Vũ Bá Trường Linh	KTMT A K58	1321050119		
2	N47	Nguyễn Thị Thùy Linh	CTTT K3	CTTT12210112		
3	N48	Vương Anh Minh	CTTT K4	CTTT13210234		
4	N49	Nguyễn Xuân Minh	DCTDTD_58C	1321030152		
5	N50	Trần Kiều Mỹ	CTTT K4	CTTT13210140		
6	N51	Bùi Ngọc Nam	CTTT K3	CTTT12210117		
7	N52	Trần Hồng Nam	Tuyển Khoáng B-K57	1221040173		
8	N53	Phạm Thúy Nga	CTTT K5	CTTT14210158		
9	N54	Vũ Bích Ngọc	KTMT57	1221080138		
10	N55	Phạm Thị Hồng Nhung	CTTT K4	CTTT13210144		
11	N56	Đặng Thị Huyền Nương	DCTV A K58	1321020160		
12	N57	Nguyễn Thị Kim Oanh	MMT K59A	1421050539		
13	N58	Ngô Hồng Phong	CTTT K5	CTTT14210118		
14	N59	Nguyễn Mạnh Phúc	ĐC B K58	1321020163		
15	N60	Đoàn Đình Phùng	CNPM K59B	1421050546		
16	N61	Mai Khánh Phương	KTMT57	1221080132		
17	N62	Nguyễn Thị Phương	DCTDTD_58B	1321030180		
18	N63	Đỗ Mạnh Quân	KTMT57	1221080135		
19	N64	Đặng Thị Như Quỳnh	DCTDGI57	1221030127		
20	N65	Nguyễn Ngọc Quỳnh	CNPM K59B	1421050567		
21	N66	Phan Thái Sơn	Khoan khai thác B K58	1321010295		
22	N67	Vũ Trường Sơn	CTTT K3	CTTT12210131		
23	N68	Tô Hữu Thắng	CTTT K3	CTTT12210122		
24	N69	Lưu Chiến Thắng	CTTT K3	CTTT12210128		
25	N70	Kiều Ngọc Thành	CTTT K3	CTTT12210120		
26	N71	Trương Hải Thành	TKT K58B	1321050704		
27	N72	Nguyễn Thị Thu Thảo	TKT K58B	1321050710		
28	N73	Phạm Thị Thanh Thảo	ĐC A K59	1421020572		
29	N74	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐCCT A K59	1421020570		
30	N75	Nguyễn Văn Thoại	CTTT K3	CTTT12210126		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
31	N76	Nguyễn Thị Hà Thu	DCTDAV59	1421030195		
32	N77	Đỗ Bảo Trâm	CTTT K4	CTTT13210154		
33	N78	Phạm Quỳnh Trang	Địa vật lý K58	1321010371		
34	N79	Tạ Thị Trang	NLK59	1421020169		
35	N80	Nguyễn Thành Trung	K59 Kế toán A	1424010604		
36	N81	Nguyễn Quang Trung	CTTT K3	CTTT12210127		
37	N82	Phùng Hữu Trung	Hệ thống điện A K58	1321060320		
38	N83	Hoàng Văn Tuấn	CTTT K3	CTTT12210125		
39	N84	Phạm Minh Tuấn	CTTT K3	CTTT12210124		
40	N85	Nguyễn Đình Tuấn	TĐC K58	1321050212		
41	N86	Nguyễn Thành Tuấn	Khai Thác B-K57	1221040294		
42	N87	Nguyễn Kiều Vân	ĐST & CNMT A K59	1421080122		
43	N88	Nguyễn Lâm Vũ	MMT K59A	1421050243		
44	N89	Nguyễn Thị Xuân	K59 QTKD A	1424010634		
45	N90	Nguyễn Thị Hải yển	Tuyển Khoáng B-K58	1321040336		

(tổng số 45 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K60

Phòng thi: D403

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N91	Phạm Thành An	CTTT K6	1521090020		
2	N92	Đỗ Thị Lan Anh	K60 QTKD DK	1524010105		
3	N93	Lê Phương Anh	CTTT K6	1521010309		
4	N94	Vũ Hoài Anh	ĐCCT K60	1521020030		
5	N95	Lê Thị Ngọc Ánh	MMT K60	1521050524		
6	N96	Phạm Văn Đại	CTTT K6	1521090001		
7	N97	Mai Quý Đạt	CTTT K6	1521090028		
8	N98	Phan Anh Dũng	CTTT K6	1521090030		
9	N99	Trần Mạnh Duy	CTTT K6	1521090011		
10	N100	Đặng Hương Giang	ĐC K60	1621020002		
11	N101	Nguyễn Thu Hà	K60 QTKD Mô	1524010022		
12	N102	Bùi Thị Hằng	K60 Kế toán A	1524010347		
13	N103	Nguyễn Phương Hoa	CNPM K60C	1521050532		
14	N104	Bùi Thị Hồng	K60 Kế toán B	1524010185		
15	N105	Đoàn Văn Hùng	K60 QTKD Mô	1524010059		
16	N106	Trương Mạnh Hùng	CTTT K6	1521090004		
17	N107	Hoàng Nguyễn Hưng	CTTT K6	1521090017		
18	N108	Phạm Doãn Huy	K60 QTKD Mô	1524010446		
19	N109	Vũ Quang Huy	CTTT K6	1521040252		
20	N110	Đặng Thị Mai Linh	CNTT K60	1521050036		
21	N111	Nguyễn Thành Long	CTTT K6	1521090051		
22	N112	Đỗ Đức Long	CTTT K6	1521090050		
23	N113	Phạm Đức Mạnh	CTTT K6	1521050291		
24	N114	Nguyễn Thị Thủy Ngân	CTTT K6	1524010227		
25	N115	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K60 Kế toán TCC	1524010295		
26	N116	Phạm Thị Bảo Ngọc	K60 QTKD DK	1524010615		
27	N117	Lê Thanh Nhân	Địa chất dầu K60	1521010318		
28	N118	Nguyễn Thị Phương	MMT K60	1521050215		
29	N119	Bùi Mai Phương Thảo	CTTT K6	1521090014		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
30	N120	Đặng Thị Ngọc Thúy	CTTT K6	1521011050		
31	N121	Bùi Thị Thu Thủy	CTTT K6	1521011223		
32	N122	Nguyễn Thế Tiến	Khoan khai thác K60	1521010192		
33	N123	Nguyễn Trung Tiến	CTTT K6	1521090092		
34	N124	Hoàng Thị Quỳnh Trang	CTTT K6	1521090002		
35	N125	Đỗ Thanh Tuấn	CTTT K6	1521090006		
36	N126	Đỗ Mạnh Tùng	CTTT K6	1521090016		
37	N127	Nguyễn Quang Tường	CTTT K6	1521090012		
38	N128	Hoàng Thị Tuyết	LT ĐC K60	1531020047		
39	N129	Phan Thị Tố Uyên	CTTT K6	1521090008		
40	N130	Trần Tuấn Việt	ĐC K60			

(tổng số 40 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K61

Phòng thi: D503

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N131	Trần Minh Anh	K61 QTKD A	1624010101		
2	N132	Nguyễn Phương Anh	K61 Kế toán A	1624010333		
3	N133	Nguyễn Duy Quang Anh	CTTT K7	1621090012		
4	N134	Lê Quốc Anh	CTTT K7	1621090001		
5	N135	Đinh Việt Anh	CTTT K7	1621010114		
6	N136	Nguyễn Thế Anh	CNTT K61A	1621050221		
7	N137	Đinh Thị Ngọc Bích	K61 QTKD A	1624010235		
8	N138	Trần Đức Bình	CTTT K7	1621010070		
9	N139	Phan Trung Chính	CTTT K7	1621090013		
10	N140	Dương Mạnh Cường	CTTT K7	1621010030		
11	N141	Hoàng Văn Dưỡng	CTTT K7	1621090016		
12	N142	Nguyễn Bá Đức	CTTT K7	1621090021		
13	N143	Nguyễn Tiến Đức	CTTT K7	1621010140		
14	N144	Tăng Đức Hải	CTTT K7	1621010322		
15	N145	Phạm Thị Hạnh	CTTT K7	1621090011		
16	N146	Hoàng Trung Hiếu	CTTT K7	1621010262		
17	N147	Đinh Thị Hoa	K61 QTKD A	1624010276		
18	N148	Lê Thế Hoàng	CTTT K7	1621010179		
19	N149	Lê Quốc Hưng	CTTT K7	1621090010		
20	N150	Hoàng Thị Hương	K61 Kế toán A	1624010203		
21	N151	Phạm Ngọc Khánh	K61 Kinh tế A	1624010282		
22	N152	Vũ Hồng Nhung	K61 Kế toán B	1624010596		
23	N153	Nguyễn Hoàng Long	CTTT K7	1621010268		
24	N154	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	K61 QTKD A	1624010013		
25	N155	Nguyễn Thị Mai	K61 Kế toán A	1624010678		
26	N156	Phùng Bình Minh	CTTT K7	1621090018		
27	N157	Đinh Phương Nam	CTTT K7	1621010168		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
28	N158	Nguyễn Thị Tuyết Nga	K61 Kế toán A	1624010369		
29	N159	Đào Hồng Ngân	K61 Kế toán B	1624010004		
30	N160	Trần Thị Kim Ngân	K61 QTKD B	1624010102		

(tổng số 30 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K61

Phòng thi: D302

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N161	Lê Thị Nguyễn	CTTT K7	1621010253		
2	N162	Nguyễn Thị Nhân	K61 Kế toán A	1624010412		
3	N163	Phạm Thị Minh Phương	K61 QTKD A	1624010062		
4	N164	Nguyễn Khắc Quân	CTTT K7	1621090006		
5	N165	Hoàng Anh Quân	CTTT K7	1621010205		
6	N166	Phan Ngọc Bảo Sơn	CTTT K7	1621090020		
7	N167	Đỗ Hoàng Sơn	CTTT K7	1621010036		
8	N168	Vũ Văn Tài	CTTT K7	1621010027		
9	N169	Lê Văn Tam	CTTT K7	1621010334		
10	N170	Võ Xuân Tâm	CTTT K7	1621010004		
11	N171	Nguyễn Sỹ Tân	CTTT K7	1621010133		
12	N172	Trần Đức Thắng	CTTT K7	1621010078		
13	N173	Nguyễn Văn Thắng	CNTT K61A	1621050139		
14	N174	Vũ Thị Thảo	CTTT K7	1621010304		
15	N175	Ngô Thị Thu Thủy	CTTT K7	1621090007		
16	N176	Lê Văn Tiến	CTTT K7	1621010062		
17	N177	Nguyễn Thị Trà	CTTT K7	1621010300		
18	N178	Đỗ Huyền Trang	K61 QTKD A	1624010113		
19	N179	Nguyễn Thành Trung	CTTT K7	1621090002		
20	N180	Đông Văn Tú	CTTT K7	1621010145		
21	N181	Hòa Trần Anh Tú	CTTT K7	1621010283		
22	N182	Lê Văn Tuấn	CTTT K7	1621010273		
23	N183	Nguyễn Thanh Tùng	CTTT K7	1621010279		
24	N184	Nguyễn Xuân Viên	CTTT K7	1621010068		
25	N185	Nguyễn Văn Xuân	CTTT K7	1621010111		
26	N186	Trần Thị Xuyên	CTTT K7	1624010040		
27	N187	Nguyễn Thị Hải Yến	K61 Kinh tế A	1624010328		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
28	N188	Phan Thị Hải Yến	CTTT K7	1621090003		

(tổng số 28 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIN HỌC

Phòng thi: C501

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	T01	Ngô Ngọc Anh	CNPM K60C	1521050228		
2	T02	Trịnh Ngọc Như Ánh	ĐST & CNMT B K60	1521080095		
3	T03	Chu Ngọc Ánh	Tự động hóa A K58	1321060016		
4	T04	Lữ Thị An Bình	K59 Kế toán D	1421050285		
5	T05	Hoàng Văn Chiến	CNPM K59B	1421050024		
6	T06	Ngô Mạnh Cường	Cơ điện D K61	1621060530		
7	T07	Lê Thị Hồng Diệp	Địa vật lý K58	1321040440		
8	T08	Nguyễn Văn Dũng	CNPM K58A	1321050450		
9	T09	Nguyễn Tiến Dũng	TTD K59	1421050037		
10	T10	Nguyễn Thái Đại	TTD K58	1321050476		
11	T11	Vũ Xuân Đại	CNPM K60A	1521050343		
12	T12	Vũ Trọng Đạt	CNPM K59A	1421050346		
13	T13	Trần Văn Đồng	CNPM K59B	1421050355		
14	T14	Lê Huỳnh Đức	Tự động hóa A K58	1321060468		
15	T15	Phạm Sơn Giang	TĐC K59	1421050055		
16	T16	Lê Thái Hà	CNPM K58B	1321050499		
17	T17	Nguyễn Thanh Hải	CNPM K58A	1321050511		
18	T18	Lê Minh Hải	CNPM K58B	1321050507		
19	T19	Ngô Quang Hải	CNPM K59B	1421050381		
20	T20	Chu Thị Hằng	MMT K59B	1421050061		
21	T21	Lê Đức Hậu	Cơ Điện K61	1621060001		
22	T22	Phan Thế Hiền	CNPM K59A	1421050395		
23	T23	Nguyễn Hữu Hiếu	CNPM K58A	1321050544		
24	T24	Lý Thị Minh Hiếu	TKT K59B	1421050401		
25	T25	Đỗ Ngọc Hoàn	CNPM K60A	1521050379		
26	T26	Đặng Văn Hợi	Dầu khí A K61	1621010001		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
27	T27	Nguyễn Mạnh Hùng	CNPM K58A	1321050569		
28	T28	Vũ Ngọc Hùng	TĐC K58	1321050572		
29	T29	Nguyễn Việt Hùng	CNPM K59A	1421050429		
30	T30	Trần Đức Hùng	CNPM K60C	1521050389		
31	T31	Nguyễn Văn Hưng	CNPM K59A	1421050439		
32	T32	Nguyễn Đức Huy	CNPM K58A	1321050090		
33	T33	Nguyễn Văn Huy	CNPM K59A	1421050082		

(tổng số 33 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIN HỌC

Phòng thi: C504

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	T34	Ngô Phú Lân	CNPM K60B	1521050416		
2	T35	Nguyễn Khánh Linh	TKT K59B	1421050108		
3	T36	Nguyễn Gia Linh	Mạng máy tính K60	1521050299		
4	T37	Hoàng Phúc Long	Cơ điện D K61	1621060162		
5	T38	Đinh Xuân Minh	K59 QTKD C	1424010123		
6	T39	Ngô Quang Minh	Mạng máy tính K60	1521050540		
7	T40	Trần Thị Bích Ngọc	K61 Kế toán B	1624010605		
8	T41	Phạm Hải Ninh	TM K58	1321050152		
9	T42	Trần Thị Oanh	TĐC K59	1421050540		
10	T43	Nguyễn Hoàng Phúc	Cơ Điện K61	1621060119		
11	T44	Đặng Thị Phụng	MMT K59B	1421050548		
12	T45	Lại Đức Quân	CNPM K59A	1421050554		
13	T46	Mai Xuân Quân	Cơ Điện K61	1621060043		
14	T47	Nguyễn Văn Quang	Lọc hóa dầu B K59	1421010257		
15	T48	Dương Thị Thúy Quỳnh	MMT K59B	1421050163		
16	T49	Nguyễn Hồng Sơn	CNPM K59B	1421050577		
17	T50	Đồng Thị Linh Tâm	TKT K60	1521050189		
18	T51	Văn Tiến Thành	TĐC K59	1421050186		
19	T52	Nguyễn Thị Thiệp	CNPM K58B	1321050723		
20	T53	Nguyễn Thị Thương	K61 QTKD A	1624010965		
21	T54	Nguyễn Văn Tình	CNPM K59A	1421050210		
22	T55	Đào Minh Toàn	CNPM K60A	1521050081		
23	T56	Nguyễn Thị Thu Trang	MMT K59B	1421050662		
24	T57	Trần Công Trung	K61 Kế toán B	1624010667		
25	T58	Trần Trọng Trường	TTĐ K59	1421050221		
26	T59	Lê Khắc Tư	Trắc địa bản đồ K61	1621030047		
27	T60	Đào Công Tuấn	CNPM K58B	1321050773		



STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
28	T61	Phạm Anh Tuấn	CNPM K59B	1421050690		
29	T62	Nguyễn Thanh Tuấn	CNPM K59A	1421050225		
30	T63	Nguyễn Xuân Tuấn	TKT K59B	1421050226		
31	T64	Trần xuân Tùng	CNPM K58B	1321050218		
32	T65	Nguyễn Thị Tuyền	TKT K59B	1421050701		
33	T66	Nguyễn Văn Vương	K61 QTKD B	1624010837		
34	T67	Bùi Hoàng Yến	MMT K59B	1421050246		

(tổng số 34 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2017



DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : VẬT LÝ

Phòng thi: D204

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	MSSV	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	L01	Nguyễn Văn Cường	1321070438	XDDD và CN B K58		
2	L02	Nguyễn Trường Giang	1521010319	Địa chất dầu K60		
3	L03	Vũ Ngọc Hải	1621050813	CNTT		
4	L04	Nguyễn Hữu Hạnh	1421011114	Khoan khai thác A K59		
5	L05	Nguyễn Việt Hiếu	1521050375	CNPM K60C		
6	L06	Nguyễn Hữu Hòa	1521020209	ĐCCT k60		
7	L07	Hồ Diên Kế	1621060107	Cơ điện K61		
8	L08	Dương Thị Thúy Nga	1421010216	Lọc hóa dầu A K59		

(tổng số 08 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K57+58+59

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N01	Đặng Công Bảo	DCDKLD59VT	1421011018		
2	N02	Lê Thành Đạt	DCDKLD59VT	1421011076		
3	N03	Trần Đình Đức	DCDKKK59VT	1421011094		
4	N04	Nguyễn Mạnh Hùng	DCDKLD59VT	1421011145		
5	N05	Lê Thị Kim Linh	DCDKLD59VT	1421011201		
6	N06	Vũ Hồng Long	DCDKKK58VT	1321011071		
7	N07	Phạm Thị Lữ	DCCDTD59VT	1421011220		
8	N08	Đậu Thị Nga	DCDKLD59VT	1421011243		
9	N09	Vũ Văn Thành	DCDKLD59VT	1421011315		
10	N10	Trần Văn Thịnh	DCDKLD59VT	1421011331		
11	N11	Nguyễn Nhật Tiến	DCDKLD59VT	1421011352		
12	N12	Trần Minh Tuấn	DCDKKK59VT	1421011405		

(tổng số 12 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : TIẾNG ANH K60

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	N01	Võ Hoài Phúc	DCDKLD60VT	1521011197		
2	N02	Nguyễn Thị Thái Vân	DCDKLD60VT	1521010328		
3	N03	Bùi Thị Yến	DCDKLD60VT	1521011075		

(tổng số 03 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi : CƠ HỌC LÝ THUYẾT

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	CLT01	Lê Minh Chiến	DCDKKK60VT	1521011112		
2	CLT02	Phạm Hồng Đức	DCDKKK60VT	1521011126		
3	CLT03	Phan Thái Hà	DCCDTD60VT	1521011136		
4	CLT04	Phạm Sơn Hà	DCDKKK60VT	1521011085		
5	CLT05	Nguyễn Minh Phúc	DCDKKK58VT	1321011086		

(tổng số 05 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017
Môn thi : KHOA HỌC MÁC – LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HCM
Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	M01	Nguyễn Thị Dung	DCCDTD59VT	1421011058		

(tổng số 01 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi: SỨC BỀN VẬT LIỆU

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	SB01	Phan Thị Lan Anh	DCDKKK59VT	1421011016		
2	SB02	Lê Trung Tuấn Anh	DCDKLD60VT	1521011001		
3	SB03	Nguyễn Đoàn Phương Anh	DCMOKT60VT	1521011028		
4	SB04	Trần Duy Bình	DCMOKT60VT	1521011109		
5	SB05	Phan Chánh	DCDKLD59VT	1421011031		
6	SB06	Trần Văn Duẩn	DCDKKK59VT	1421011056		
7	SB07	Hồ Hữu Hoàng Duy	DCDKLD60VT	1521011131		
8	SB08	Phan Ngọc Duy	DCDKLD60VT	1521011027		
9	SB09	Phạm Văn Định	DCDKLD60VT	1521011123		
10	SB10	Mai Thế Đồng	DCMOKT60VT	1521011042		
11	SB11	Nguyễn Văn Hải	DCDKLD59VT	1421011110		
12	SB12	Phạm Tiến Hải	DCDKLD60VT	1521011137		
13	SB13	Phạm Tiến Hải	DCDKLD60VT	1521011137		
14	SB14	Hà Thị Thúy Hằng	DCDKLD58VT	1321011030		
15	SB15	Nguyễn Thị Thu Hằng	DCDKLD60VT	1521011055		
16	SB16	Đặng Hữu Hiền	DCDKLD59VT	1421011117		
17	SB17	Trần Minh Hiếu	DCMOKT60VT	1521011145		
18	SB18	Ngô Vũ Hòa	DCMOKT60VT	1521011146		
19	SB19	Nguyễn Văn Hoàng	DCDKLD60VT	1521011044		
20	SB20	Lê Hữu Hội	DCDKLD60VT	1521011045		
21	SB21	Nguyễn Đình Hợi	DCDKLD59VT	1421011141		
22	SB22	Trần Văn Hưng	DCMOKT60VT	1521011034		
23	SB23	Trần Minh Huyền	DCDKLD60VT	1521011159		
24	SB24	Phạm Thu Huyền	DCDKLD60VT	1521011088		
25	SB25	Nguyễn Mạnh Khải	DCDKLD60VT	1521011071		
26	SB26	Nguyễn Phúc Khánh	DCDKLD58VT	1321011056		
27	SB27	Ngô Văn Kiệt	DCDKKK59VT	1421011185		
28	SB28	Huỳnh Văn Kỳ	DCDKLD59VT	1421011188		
29	SB29	Lê Thị Khánh Linh	DCMOKT60VT	1521011265		
30	SB30	Trần Nguyễn Ngọc Luân	DCMOKT60VT	1521011169		
31	SB31	Lê Thị Bích Ngọc	DCDKLD60VT	1521011183		

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
32	SB32	Nguyễn Võ Văn Nguyên	DCDKLD58VT	1321011082		
33	SB33	Trần Cao Nguyên	DCMOKT60VT	1521011043		
34	SB34	Nguyễn Gia Phúc	DCMOKT60VT	1521011196		
35	SB35	Mai Anh Quốc	DCDKKK59VT	1421011286		
36	SB36	Phạm Cẩm Quỳnh	DCDKLD60VT	1521011200		
37	SB37	Phạm Tuấn Quỳnh	DCMOKT60VT	1521011018		
38	SB38	Nguyễn Thành Sơn	DCDKLD60VT	1521011058		
39	SB39	Vũ Hồng Sơn	DCMOKT60VT	1521011205		
40	SB40	Trương Bảo Sỹ	DCDKLD60VT	1521011037		
41	SB41	Bùi Thanh Tài	DCDKLD59VT	1421011300		
42	SB42	Trần Công Thành	DCDKLD60VT	1521011038		
43	SB43	Võ Thị Thanh Thảo	DCDKLD60VT	1521011016		
44	SB44	Trần Thị Thu	DCDKLD60VT	1521011219		
45	SB45	Nguyễn Cao Tí	DCDKLD59VT	1421011348		
46	SB46	Phạm Duy Trường	DCDKKK59VT	1421011389		
47	SB47	Phạm Văn Tuấn	XDDD B K60	1521070403		
48	SB48	Mai Thanh Tùng	DCDKLD60VT	1521011243		
49	SB49	Trần Quốc Việt	DCMOKT60VT	1521011087		
50	SB50	Nguyễn Quang Vinh	DCDKLD60VT	1521011249		
51	SB51	Hồ Sỹ Vượng	DCMOKT60VT	1521011253		
52	SB52	Trần Thị Xuân	DCDKLD60VT	1521011056		

(tổng số 52 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi: HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	HH01	Trần Văn Khánh	DCDKLD58VT	1321011058		
2	HH02	Nguyễn Xuân Nghĩa	DCDKLD60VT	1521011182		

(tổng số 02 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
BAN TỔ CHỨC THI OLYMPIC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 19 tháng 3 năm 2017

DANH SÁCH DỰ THI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017

Môn thi: GIẢI TÍCH

Phòng thi:

STT	Số BD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Mssv	Số tờ giấy thi	Chữ ký
1	GT1	Hồ Hồng Huy	K61VT	1621011004		
2	GT2	Lê Văn Lâm	DCDKLD58VT	1321011063		

(tổng số 02 thí sinh)

Số thí sinh dự thi:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Số: **591**/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **09** tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải
tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-MĐC ngày 28/3/2017 về việc ban hành "Quy chế chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất";

Căn cứ kết quả tổ chức kỳ thi Olympic cấp Trường và Nghị quyết cuộc họp xét giải thưởng Olympic cấp Trường năm 2017, ngày 20/4/2017;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức thi Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho các sinh viên đạt giải Nhất, Nhì, Ba tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017.

Điều 2. Trích 21.450.000đ (Hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Ban Tổ chức Olympic cấp Trường, các ông (bà) Trưởng các Khoa, Trưởng phòng KHQT, Trưởng phòng Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, TV, KHQT(06)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH KHEN THƯỞNG SINH VIÊN
ĐOẠT GIẢI OLYMPIC CẤP TRƯỜNG NĂM 2017
 (kèm theo quyết định số 591/QĐ-MĐC ngày 09/5/2017)

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
I GIẢI NHẤT (11 giải)					
1	Hoàng Văn Sơn	Máy và thiết bị mỏ K58	Chi tiết máy		300.000
2	Đình Văn Điệp	Xây dựng công trình ngầm và mỏ K57	Cơ kết cấu		300.000
3	Phùng Thị Thanh Huyền	Công nghệ thông tin C K61	Giải tích		300.000
4	Đoàn Bá Tráng	Xây dựng dân dụng B K60	Hóa học		300.000
5	Vũ Thị Lan	Kỹ thuật môi trường B K58	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM		300.000
6	Trần Văn Tú	Thiết bị dầu khí K57	Sức bền vật liệu		300.000
7	Nguyễn Thanh Tùng	Xây dựng hạ tầng cơ sở K57	Sức bền vật liệu		300.000
8	Nguyễn Đức Giang	Khai thác H K58	Thủy lực		300.000
9	Đỗ Bảo Trâm	Chương trình tiên tiến K4	Tiếng Anh K57+58+59		300.000
10	Nguyễn Văn Hưng	Công nghệ phần mềm A K59	Tin học		300.000
11	Nguyễn Hữu Hạnh	Khoan khai thác A K59	Vật lý		300.000
II GIẢI NHÌ (23 giải)					
1	Nguyễn Văn Vương	Khoan khai thác dầu khí B K58	Chi tiết máy		200.000
2	Trần Mạnh Cường	Máy mỏ K59	Chi tiết máy		200.000
3	Nguyễn Thị Trang	Địa chất công trình B K58	Cơ học đất		200.000
4	Nguyễn Thị Toàn	Xây dựng dân dụng và công nghiệp A K58	Cơ kết cấu		200.000
5	Phan Thái Hà	Khoan thăm dò K60	Cơ lý thuyết	Vũng Tàu	200.000
6	Nguyễn Bá Mạnh	Lọc hóa dầu A K58	Hóa học		200.000
7	Mai Quý Cường	Trắc địa C K58	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM		200.000
8	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan thăm dò B K57	Sức bền vật liệu		200.000
9	Hồ Sỹ Hùng	Thiết bị dầu khí B K60	Sức bền vật liệu		200.000
10	Nguyễn Bá Tuyên	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K58	Sức bền vật liệu		200.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
11	Mai Văn Hưng	Khai thác D K59	Thủy lực		200.000
12	Nguyễn Văn Giang	Khai thác D K58	Thủy lực		200.000
13	Ngô Hồng Phong	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K57+58+59		200.000
14	Tô Hữu Thắng	Chương trình tiên tiến K3	Tiếng Anh K57+58+59		200.000
15	Trần Quốc Anh	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K57+58+59		200.000
16	Trần Nam Hải	Mạng máy tính K58	Tiếng Anh K57+58+59		200.000
17	Tạ Duy Hưng	Chương trình tiên tiến K4	Tiếng Anh K57+58+59		200.000
18	Trần Mạnh Duy	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		200.000
19	Nguyễn Trung Tiến	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		200.000
20	Nguyễn Khắc Quân	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		200.000
21	Lê Quốc Hưng	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		200.000
22	Nguyễn Đức Huy	Công nghệ phần mềm A K58	Tin học		200.000
23	Dương Thị Thúy Nga	Lọc hóa dầu A K59	Vật lý		200.000
III	GIẢI BA (57 giải)				
1	Nguyễn Tiến Luật	Máy và tự động thủy khí K58	Chi tiết máy		150.000
2	Nguyễn Anh Vinh	Địa chất công trình A K58	Cơ học đất		150.000
3	Nguyễn Thị Thắm	Địa chất công trình B K58	Cơ học đất		150.000
4	Nguyễn Thị Ngoan	Xây dựng hạ tầng cơ sở K59	Cơ kết cấu		150.000
5	Trần Thị Hồng	Xây dựng công trình ngầm B K59	Cơ kết cấu		150.000
6	Vũ Duy Vạn	Xây dựng công trình ngầm và mỏ K59	Cơ kết cấu		150.000
7	Nguyễn Văn Hiệp	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K58	Cơ kết cấu		150.000
8	Nguyễn Phương Loan	Lọc hóa dầu A K59	Cơ lý thuyết		150.000
9	Nguyễn Hà Trang	Lọc hóa dầu A K58	Cơ lý thuyết		150.000
10	Cao Văn Trung	Tin trắc địa K59	Giải tích		150.000
11	Trần Minh Tuyên	Khai Thác A-K59	Hình họa		150.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
12	Nguyễn Văn Cường	Lọc hóa dầu A K58	Hóa học		150.000
13	Đào Xuân Trường	Lọc hóa dầu B K60	Hóa học		150.000
14	Tường Duy Bôn	Địa chất A K59	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM		150.000
15	Trần Thị Thu Thương	Mạng máy tính A K59	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM		150.000
16	Lê Văn Tĩnh	Khai thác G K58	Khoa học Mác - Lê nin và Tư tưởng HCM		150.000
17	Nguyễn Hữu Lộc	Thiết bị dầu khí B K60	Sức bền vật liệu		150.000
18	Phạm Duy Trường	Khoan thăm dò K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	150.000
19	Nguyễn Đức Đường	Xây dựng công trình ngầm B K58	Sức bền vật liệu		150.000
20	Nguyễn Xuân Lập	Xây dựng công trình ngầm A K58	Sức bền vật liệu		150.000
21	Trần Văn Duẩn	Khoan thăm dò K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	150.000
22	Phạm Văn Tuấn	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K60	Sức bền vật liệu		150.000
23	Bế Ngọc Chiến	Khai thác B K59	Thủy lực		150.000
24	Trần Quang Tùng	Máy thủy khí K59	Thủy lực		150.000
25	Nguyễn Ngọc Ánh	Khoan khai thác K59	Thủy lực		150.000
26	Nguyễn Thị Lan Anh	Tuyển khoáng A K57	Thủy lực		150.000
27	Nguyễn Công Trí Anh	Chương trình tiên tiến K4	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
28	Phạm Xuân Nam Chính	Mạng máy tính K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
29	Nguyễn Bảo Anh	Tin học mở K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
30	Trần Kiều Mỹ	Chương trình tiên tiến K4	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
31	Phạm Quỳnh Trang	Địa vật lý K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
32	Vũ Bích Ngọc	Kỹ thuật môi trường K57	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
33	Vũ Hồng Long	Khoan thăm dò K58	Tiếng Anh K57+58+59	Vũng Tàu	150.000
34	Nguyễn Thị Mai Anh	Chương trình tiên tiến K4	Tiếng Anh K57+58+59		150.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
35	Đỗ Linh Giang	Đo ảnh và viễn thám K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
36	Lê Thành Đô	Địa vật lý K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
37	Nguyễn Mạnh Phúc	Địa chất B K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
38	Phạm Thị Thanh Thảo	Địa chất A K59	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
39	Lê Văn Đại	Khoan khai thác B K58	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
40	Ngô Công Hậu	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
41	Bùi Ngọc Nam	Chương trình tiên tiến K3	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
42	Phạm Thúy Nga	Chương trình tiên tiến K5	Tiếng Anh K57+58+59		150.000
43	Đặng Công Bảo	Lọc hóa dầu K59	Tiếng Anh K57+58+59	Vũng Tàu	150.000
44	Trương Mạnh Hùng	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		150.000
45	Đỗ Thanh Tuấn	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		150.000
46	Phạm Thị Bảo Ngọc	Quản trị kinh doanh dầu khí K60	Tiếng Anh K60		150.000
47	Lê Quốc Anh	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		150.000
48	Phan Ngọc Bảo Sơn	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		150.000
49	Nguyễn Thành Trung	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		150.000
50	Đình Phương Nam	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		150.000
51	Nguyễn Thái Đại	Tin trắc địa K58	Tin học		150.000
52	Trần Văn Đồng	Công nghệ phần mềm B K59	Tin học		150.000
53	Phan Thế Hiển	Công nghệ phần mềm A K59	Tin học		150.000
54	Nguyễn Mạnh Hùng	Công nghệ phần mềm A K58	Tin học		150.000
55	Trần Đức Hùng	Công nghệ phần mềm C K60	Tin học		150.000
56	Nguyễn Văn Cường	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K58	Vật lý		150.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
57	Nguyễn Trường Giang	Địa chất dầu K60	Vật lý		150.000
IV	GIẢI KHUYẾN KHÍCH (50 giải)				
1	Nguyễn Thế Anh	Máy và Tự động thủy khí K58	Chi tiết máy		100.000
2	Bùi Văn Hải	Máy và Tự động thủy khí K58	Chi tiết máy		100.000
3	Nguyễn Đức Chiêu	Địa chất công trình A K58	Cơ học đất		100.000
4	Ngô Thị Nụ	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K59	Cơ kết cấu		100.000
5	Nguyễn Minh Tân	Xây dựng hạ tầng cơ sở K59	Cơ kết cấu		100.000
6	Trần Bá Cường	Xây dựng dân dụng và công nghiệp A K58	Cơ kết cấu		100.000
7	Trương Đình Tiệp	Xây dựng hạ tầng cơ sở K59	Cơ kết cấu		100.000
8	Hoàng Đức Xanh	Xây dựng dân dụng và công nghiệp A K58	Cơ kết cấu		100.000
9	Bùi Đức Anh	Xây dựng công trình ngầm A K59	Cơ kết cấu		100.000
10	Phạm Văn Dương	Xây dựng hạ tầng cơ sở K59	Cơ lý thuyết		100.000
11	Phan Ngọc Sơn	Lọc hóa dầu A K57	Đại số		100.000
12	Nguyễn Thị Quyên	Tin trắc địa K59	Đại số		100.000
13	Đào Văn Khánh	Lọc hóa dầu B K59	Hóa học		100.000
14	Nguyễn Minh Phương	Chương trình tiên tiến K5	Hóa học		100.000
15	Lê Thị Hồng Thủy	Kế toán B K61	Khoa học Máy - Lê nin và Tư tưởng HCM		100.000
16	Trương Viết Năm Anh	Địa chất thủy văn B K58	Khoa học Máy - Lê nin và Tư tưởng HCM		100.000
17	Phạm Thị Chinh	Kế toán B K59	Khoa học Máy - Lê nin và Tư tưởng HCM		100.000
18	Nguyễn Đình Dưỡng	Địa chất B K59	Khoa học Máy - Lê nin và Tư tưởng HCM		100.000
19	Nguyễn Thị Hằng	Địa chất B K58	Khoa học Máy - Lê nin và Tư tưởng HCM		100.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
20	Lê Thị Thu Thảo	Xây dựng hạ tầng cơ sở K59	Sức bền vật liệu		100.000
21	Nguyễn Văn Hoàng	Lọc hóa dầu K60	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
22	Phan Thị Lan Anh	Khoan thăm dò K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
23	Đỗ Đăng Quyết	XD CT Ngầm B K59	Sức bền vật liệu		100.000
24	Đặng Hữu Hiền	Lọc hóa dầu K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
25	Mai Anh Quốc	Khoan thăm dò K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
26	Nguyễn Cao Tí	Lọc hóa dầu K59	Sức bền vật liệu	Vũng Tàu	100.000
27	Hà Quang Huy	Khai thác B K59	Thủy lực		100.000
28	Mai Khánh Phương	Kỹ thuật môi trường 57	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
29	Nguyễn Tiến Anh	Tự động hóa A K58	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
30	Nguyễn Thị Chi	Trắc địa C K59	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
31	Nguyễn Lâm Vũ	Mạng máy tính A K59	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
32	Phạm Văn Bình	Khai thác C K59	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
33	Đặng Thị Huyền Nương	Địa chất thủy văn A K58	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
34	Đỗ Mạnh Quân	Kỹ thuật môi trường K57	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
35	Kiều Ngọc Thành	Chương trình tiên tiến K3	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
36	Trần Minh Tuấn	Khoan thăm dò K59	Tiếng Anh K57+58+59	Vũng Tàu	100.000
37	Nguyễn Đức Tuấn Anh	Trắc địa C K58	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
38	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Công nghệ phần mềm B K59	Tiếng Anh K57+58+59		100.000
39	Bùi Mai Phương Thảo	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		100.000
40	Đỗ Thị Lan Anh	Quản trị kinh doanh dầu khí K60	Tiếng Anh K60		100.000
41	Bùi Thị Thu Thủy	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		100.000
42	Nguyễn Quang Tường	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		100.000

STT	Họ và tên	Lớp	Môn thi	Ghi chú	Mức thưởng (vnd)
43	Lê Phương Anh	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		100.000
44	Đặng Hương Giang	Địa chất K60	Tiếng Anh K60		100.000
45	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Chương trình tiên tiến K6	Tiếng Anh K60		100.000
46	Lê Thanh Nhân	Địa chất dầu K60	Tiếng Anh K60		100.000
47	Tăng Đức Hải	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		100.000
48	Vũ Văn Tài	Chương trình tiên tiến K7	Tiếng Anh K61		100.000
49	Vũ Trọng Đạt	Công nghệ phần mềm A K59	Tin học		100.000
50	Nguyễn Việt Hùng	Công nghệ phần mềm A K59	Tin học		100.000

Số: 652 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen, thưởng cho sinh viên đạt giải
tại kỳ thi Olympic Quốc gia năm học 2016-2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Chương V Hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên Quy định về việc Quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, ban hành theo Quyết định số 487/QĐ-MĐC, ngày 08/5/2014;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-MĐC ngày 28/3/2017 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả thi Olympic Quốc gia năm học 2016-2017;

Xét đề nghị của các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế và Trưởng phòng Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng cho các sinh viên đạt giải tại kỳ thi Olympic Quốc gia năm học 2016-2017.

Điều 2. Trích 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng) trong quỹ khen thưởng của Nhà trường thưởng cho các sinh viên đạt giải (có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 3. Giao cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (TNCS HCM) Trường chịu trách nhiệm thực hiện các công việc liên quan và tổ chức trao thưởng cho các sinh viên đạt giải.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Tài vụ, Bí thư Ban chấp hành Đoàn TNCS HCM Trường và các sinh viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- HUMG iOFFICE;
- Lưu: HCTH, Tài vụ, KHQT(06)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Trần Thanh Hải



DANH SÁCH KHEN, THƯỞNG CHO SINH VIÊN
ĐẠT GIẢI TẠP KỲ THI OLYMPIC QUỐC GIA NĂM HỌC 2016-2017
(kèm theo Quyết định số 652/QĐ - MĐC ngày 18/5/2017)

TT	Họ và tên sinh viên	Lớp	Môn thi	Đạt giải	Mức thưởng (đ)	Ghi chú
1	Nguyễn Trường Giang	Địa chất dầu K60	Vật lý	Nhi	400.000	
2	Nguyễn Hữu Hạnh	Khoan khai thác A K59	Vật lý	Nhi	400.000	
3	Dương Thị Thúy Nga	Lọc hóa dầu A K59	Vật lý	Nhi	400.000	
4	Nguyễn Việt Hiếu	Công nghệ phần mềm C K60	Vật lý	Nhi	400.000	
5	Nguyễn Văn Cường	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B K58	Vật lý	Nhi	400.000	
6	Nguyễn Đình Đức	Địa chất dầu K60	Giải tích	Nhi	400.000	
7	Nguyễn Thị Quyên	Tin Trắc địa K59	Đại số	Ba	300.000	
8	Nguyễn Tiến Thọ	Tự động hóa B K60	Đại số	Ba	300.000	
9	Trần Văn Tuyển	Điện - Điện tử A K58	Đại số	Ba	300.000	
10	Nguyễn Minh Ngọc	Khoan khai thác B K57	Sức bền vật liệu	Nhi	400.000	Vũng Tàu
11	Nguyễn Thanh Tùng	Xây dựng hạ tầng cơ sở K57	Sức bền vật liệu	Ba	300.000	
12	Nguyễn Bá Tuyên	Xây dựng dân dụng và công nghiệp B	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
13	Nguyễn Đức Đường	Xây dựng công trình ngầm B K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
14	Nguyễn Xuân Lập	Xây dựng công trình ngầm A K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	
15	Nguyễn Võ Văn Nguyên	Lọc hóa dầu K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
16	Trần Thị Xuân	Lọc hóa dầu K58	Sức bền vật liệu	Khuyến khích	100.000	Vũng Tàu
17	Hoàng Đức Xanh	Xây dựng dân dụng và công nghiệp A K58	Cơ học kết cấu	Khuyến khích	100.000	
18	Hà Quang Huy	Khai thác B K59	Thủy lực	Ba	300.000	
19	Nguyễn Ngọc Ánh	Khoan khai thác Dầu khí K59	Thủy lực	Khuyến khích	100.000	
20	Nguyễn Văn Vương	Khoan khai thác Dầu khí K58	Chi tiết máy	Khuyến khích	100.000	
Tổng số					5.100.000	

(bằng chữ: Năm triệu một trăm nghìn đồng chẵn)